TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16–THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2026/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 4 - 2026
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Văn Công;

2. Bà Trần Ngọc Phương.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tố Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Bùi Phương Uyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 953/2025/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 151/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2026:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T, sinh năm 1981; thường trú: ấp B, xã Đ Đồng Nai; địa chỉ: B Quốc lộ E, xã B, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Lâm Kim S, sinh năm 1979; thường trú: số A đường số B, phường C, thành phố Hồ Chí Minh; tạm trú:1131 khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07 tháng 10 năm 2024, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Phan Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T và ông Lâm Kim S tự nguyên yêu nhau, tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường D, quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) theo giấy chứng nhận kết hôn số 253 ngày 08 tháng 10 năm 2007. Sau khi kết hôn vợ chồng

chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau.

Nhận thấy, cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Phan Thị T yêu cầu được ly hôn với ông Lâm Kim S.

- Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Kim Y, sinh ngày 18/10/2012 và hiện nay đang sống chung cùng với bà T. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông Lâm Kim S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai trong quá trình tố tụng bị đơn ông Lâm Kim S trình bày: Ông và bà Phan Thị T có đăng ký kết hôn vào ngày 08 tháng 10 năm 2007 tại UBND phường D Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu cuộc sống chung không phù hợp nên ông đã đi đến địa chỉ A khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh cư trú từ năm 2022 cho đến nay.

Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn, ông S đồng ý.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lâm Kim Y, sinh ngày 18/10/2012. Sau khi ly ông S đồng ý giao con chung là cháu Lâm Kim Y cho mẹ là bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng và ông S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh*: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa đã tuân thủ đúng pháp luật về tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị T và bị đơn ông Lâm K có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Bà Phan Thị T và ông Lâm Kim S tự nguyện kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 253 do UBND 4, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 08 tháng 10 năm 2007. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông S là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc nên bà T yêu cầu ly hôn với ông S. Ông S cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không

đạt được nên bà T yêu cầu ly hôn ông cũng đồng ý. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu của bà T là có căn cứ, phù hợp với quy định của Điều 55 nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn giữa bà Phan Thị T và ông Lâm Kim S.

[3] Về con chung: Bà Phan Thị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Lâm Kim Y, sinh ngày 18/10/2012. Quá trình tố tụng ông S đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai ngày 10/02/2026 cháu Y cũng trình bày có nguyện vọng được ởvới mẹ. Xét thấy, việc giao cháu Lâm Kim Y, sinh ngày 18/10/2012 cho bà Phan Thị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của bà Phan Thị T.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị T không yêu cầu ông Lâm Kim S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Từ những phân tích nêu trên có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7) Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phan Thị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 55, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014,

Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị T được ly hôn với ông Lâm Kim S (theo kết hôn số 253 do UBND phường D, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là UBND phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) cấp ngày 08 tháng 10 năm 2007.

2. Về con chung: Bà Phan Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Lâm Kim Y, sinh ngày 18/10/2012. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Phan Thị T không yêu cầu ông Lâm Kim S thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn bà Phan Thị T và ông Lâm Kim S có quyền thăm nom,chăm sóc, giáo dục con, không ai có quyền cản trở ông, bà thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng.

3. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: bà Phan Thị T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn, được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0030529 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sựQuận 8, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh).

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ/.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- Phòng THADS khu vực 16-Tp. Hồ Chí Minh;
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Lưu Văn Thư; HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hà